

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2024

V/v Ly hôn giữa

anh Tuấn và chị Hồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Vũ Thị Khánh Hoà

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: ông Lê Quang Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 26-9-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 06-8-2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-9-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

Đăng ký HKTT: thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình. (anh T, chị H đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: anh kết hôn với chị H là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã L vào ngày 17/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi cọ nhau, hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 03/2024 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề

ngợi Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn T1, sinh ngày 07/5/2015 và Trần Thùy D, sinh ngày 10/3/2017. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cháu T1 để chị H trực tiếp nuôi cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: anh và chị H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2024 bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến về nhà phá đồ đạc gây mâu thuẫn để vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 3, tháng 4/2024 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị không khắc phục được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2024 đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn, chị đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn T1, sinh ngày 07/5/2015 và Trần Thùy D, sinh ngày 10/3/2017; nếu phải ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu D, để anh T trực tiếp nuôi cháu T1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai của cháu T1 trình bày: cháu là con chung của bố T, mẹ H, nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với bố T.

Biên bản ghi lời khai của cháu D trình bày: cháu là con chung của bố T, mẹ H, nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ H.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa anh T và chị H. Về nuôi con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi con cháu T1; giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh T, chị H được quyền thăm nom con chung. Về tài sản chung: anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về tố tụng:* anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H, trú tại tổ dân phố A, thị trấn H, huyện H; Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà. Anh T, chị H đều có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: anh T, chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 17/12/2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi cọ nhau, chị H cho rằng anh T có quan hệ nam nữ bất chính, nhưng chị H không đưa ra được căn cứ nào. Chị H xin đoàn tụ nhưng không tham ra phiên hoà giải, xin vắng mặt. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 04/2024 đến nay. Anh T kiên quyết xin ly hôn chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa anh T, chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: anh T, chị H có 02 con chung là Trần Văn T1, sinh ngày 07/5/2015 và Trần Thùy D, sinh ngày 10/3/2017. Anh T, chị H đều có quan điểm để chị H xin được trực tiếp nuôi cháu D, anh T xin được trực tiếp nuôi cháu T1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và cháu D. HĐXX thấy đây là sự tự nguyện của anh T, chị H phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản chung*: anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: cho ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H.
2. *Về nuôi con chung*: Giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Trần Văn T1, sinh ngày 07/5/2015; giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Trần Thùy D, sinh ngày 10/3/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh T, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003841 ngày 06-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (anh T đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: anh T, chị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA DS huyện Hưng Hà;
- UBND xã Liên Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn

